

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31/5/2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Vinh

Bà Trần Thị Ngọc Trân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kên Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kên Giang tham gia phiên tòa:**
Thuộc trường hợp Viện Kiểm sát không tham gia.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 11/9/1993

Địa chỉ: Ấp K D, xã T Y, huyện A B, tỉnh Kên Giang.

- **Bị đơn:** Ông JEONG WON K, sinh ngày 22/7/1964

Địa chỉ: Số nhà 93 Geunnae-ri, Paengseong-eup, Pyeongtaek-si, Gyeonggi-do, Korea.

(Các đương sự đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Theo đơn khởi Kện ngày 20/4/2023 và bản tự khai ngày 19/5/2023 bà Nguyễn Thị Phương T trình bày:**

Năm 2022 bà và ông JEONG WON K quen biết nhau qua mai mối, sau khi tìm hiểu có nảy sinh tình cảm, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn vào ngày 21/10/2022 tại UBND huyện AB, tỉnh Kên Giang.

Sau khi kết hôn bà T và chồng sống tại Việt Nam hòa thuận hạnh phúc khoảng 02 tuần thì ông JEONG WON K quay về Hàn Quốc làm thủ tục bảo lãnh bà sang đoàn tụ, còn bà ở lại Việt Nam học tiếng Hàn Quốc. Tuy nhiên khi chồng bà về Hàn Quốc 01 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chồng bà là người thích quản lý người khác và hay ghen tuông, vợ chồng bất đồng ngôn ngữ nên khi có mâu thuẫn xảy ra không giải quyết được, khoảng cách địa lý xa nên vợ chồng bà không có cơ hội vụng về đáp tình cảm, cái vữa xảy ra càng nhiều, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Nay bà nhận thấy không còn yêu thương ông JEONG WON K, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông JEONG WON K.

Về con chung: Ông JEONG WON K và bà không con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông JEONG WON K trình bày tại văn bản đồng ý ly hôn ngày 28/02/2023 có chứng thực Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc: Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như bà T trình bày. Quá trình chung sống ông bà không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Hiện nay ông đang cư trú tại Hàn Quốc, còn bà T thì ở Việt Nam. Vì vậy giữa ông và bà T không thể đoàn tụ, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Con chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T, bị đơn ông JEONG WON K đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Phương T và ông JEONG WON K.

[2]. Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Phương T và ông JEONG WON K thông qua mai mối tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện kết hôn; ông, bà thực hiện việc đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện AB, tỉnh Kên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 21/10/2022. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Phương T và ông JEONG WON K là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Phương T và ông JEONG WON K là do quá trình chung sống ông JEONG WON K là người thích quản lý người khác và hay ghen tuông, bất đồng ngôn ngữ nên khi có mâu thuẫn xảy ra không giải quyết được, khoảng cách địa lý xa nên vợ chồng bà không có cơ hội vùng đắp tình cảm, cãi vã xảy ra càng nhiều, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Hiện nay ông JEONG WON K quay về Hàn Quốc sinh sống và không quay về Việt Nam. Hiện tại bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông JEONG WON K, ông JEONG WON K cũng không trở về Việt Nam mà sinh sống tại Hàn Quốc và ông JEONG WON K đồng ý ly hôn với bà T.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Phương T và ông JEONG WON K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Phương T đối với ông JEONG WON K.

Về con chung: Ông JEONG WON K bà Nguyễn Thị Phương T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương T và ông JEONG WON K đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí bà đã nộp 300.000đ theo biên lai thu của Cơ quan Thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi Kện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với ông JEONG WON K.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Phương T ông JEONG WON K không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai 0009725 ngày 10/5/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Phương T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được Tòa án niêm yết. Riêng ông JEONG WON K có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kên Giang;
- UBND huyện AB, tỉnh Kên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Km Hường